

Số: 273/2026/QĐST-HNGĐ

A, ngày 06 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Văn Phú S**, sinh năm: 1990; CCCD: 048090009997; Địa chỉ: đường B, tổ F, phường S, thnh phố Đ.

- Bà **Lê Thị Anh T**, sinh năm: 1990; CCCD: 048190003294 ; Địa chỉ: K N, tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ) (nay là phường A, thành phố Đà Nẵng) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2013, quyển số II/2012 ngày 25 tháng 4 năm 2013. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường B, tổ F, phường S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu từ quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp và đã sống ly thân. Nay ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung: Văn Thị Thanh M, sinh ngày: 10/7/2016. Sau khi ly hôn, ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T thống nhất thỏa thuận:

Bà Lê Thị Anh T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Văn Thị Thanh M, sinh ngày: 10/7/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Văn Phú S không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T cùng xác nhận không có

[4] *Về nợ chung*: Ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T cùng xác nhận không có

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Ô Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0003483 ngày 08 tháng 4 năm 2026. Như vậy, ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T. *Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2013, quyển số II/2012 ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là phường A, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.*

- **Về quan hệ con chung**: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T như sau:

Bà Lê Thị Anh T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Văn Thị Thanh M, sinh ngày: 10/7/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Văn Phú S không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T cùng xác nhận không có.

- **Về nợ chung:** Ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T cùng xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu 0003483 ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Văn Phú S và bà Lê Thị Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND Khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hai

